

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-BTNMT Hà Nội, ngày tháng năm

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 654/SZB-KT ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình về việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Khu công nghiệp Biên Hòa II và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình, địa chỉ tại số 1, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Biên Hòa II có địa chỉ tại phường Long Bình Tân và phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khu công nghiệp Biên Hòa II.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Long Bình Tân và phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3601867699 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 5 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 3601867699.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, các ngành, nghề được phép thu hút đầu tư vào Khu công nghiệp (phân loại theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam) bao gồm:

Tên ngành, nghề được thu hút đầu tư vào khu công nghiệp	Mã ngành kinh tế Việt Nam
Hoạt động áp trứng và sản xuất giống gia cầm	A 01461
Sản xuất và chế biến thực phẩm	C 10

Tên ngành, nghề được thu hút đầu tư vào khu công nghiệp	Mã ngành kinh tế Việt Nam
Sản xuất đồ uống	C 110
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	C 120
Dệt	C 13
Sản xuất trang phục	C 14
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	C 15
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu têt bện)	C 16
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	C 170
In ấn và dịch vụ liên quan đến in	C 181
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	C 20
Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	C 210
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	C 22
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại chưa được phân vào đâu	C 239
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	C 251
Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại	C 259
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C 26
Sản xuất đồ điện dân dụng	C 27
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C 28
Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C 29
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C 31
Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C 32
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị	C 331
Sản xuất nước đá	C 35302
Truyền tải và phân phối điện	D 3512
Bán, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	G 45
Bru chính và chuyển phát	H 53
Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	H 5229
Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không ở	L 68104
Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	M 71200

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí môi trường như dự án đầu tư nhóm I theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.
- Tổng diện tích: 394,63 ha.
- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.
- 2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **07 năm**.

(từ ngày tháng năm 20 đến ngày tháng năm 20).

Các giấy phép môi trường thành phần đã được cơ quan quản lý nhà nước cấp theo quy định của pháp luật hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Đồng Nai (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở TN&MT tỉnh Đồng Nai;
- Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Văn phòng TN&TKQGQTTHC, Bộ TN&MT;
- Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình;
- Lưu: VT, KSONMT, O.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các doanh nghiệp thứ cấp, tổ chức nằm trong Khu công nghiệp Biên Hòa II và Khu công nghiệp Biên Hòa I.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của khu điều hành nhà máy xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ phòng thí nghiệm của nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp (súc rửa dụng cụ phòng thí nghiệm).
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ máy ép bùn và sân phơi bùn.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của Văn phòng Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình.
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt từ trạm bơm tăng áp nước cấp Khu công nghiệp Biên Hòa II.
- Nguồn số 07: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH Electronic Tripod Việt Nam (Biên Hòa) (đã được miễn trừ đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Biên Hòa II).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Suối Bà Lúa sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Đồng Nai tại phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý từ nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp xả ra suối Bà Lúa tại phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1206535; Y = 402366 (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°45', múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 8.000 m³/ngày (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý qua mương quan trắc nước thải tự động theo đường ống tự chảy ra suối Bà Lúa sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là Sông Đồng Nai đoạn thuộc phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Hình thức xả: Tự chảy, xả mặt, ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, các hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 0,9$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	03 tháng/lần	Đã lắp đặt
2	pH	-	6 - 9		
3	COD	mg/l	60,75		
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	40,5		
5	Amoni (theo N)	mg/l	4,05		
6	Màu	Pt/Co	50		
7	BOD ₅ (20°C)	mg/l	24,3		Không thuộc đối tượng
8	Asen (As)	mg/l	0,0405		
9	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,00405		
10	Chì (Pb)	mg/l	0,081		
11	Cadmi (Cd)	mg/l	0,0405		
12	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	0,0405		
13	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	0,162		
14	Đồng (Cu)	mg/l	1,62		
15	Kẽm (Zn)	mg/l	2,43		
16	Niken (Ni)	mg/l	0,162		
17	Mangan (Mn)	mg/l	0,405		
18	Sắt (Fe)	mg/l	0,81		
19	Tổng Xianua (CN ⁻)	mg/l	0,0567		
20	Tổng Phenol	mg/l	0,081		
21	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,05		
22	Sunfua (S ²⁻)	mg/l	0,162		
23	Florua (F ⁻)	mg/l	4,05		
24	Tổng Nitơ	mg/l	16,2		
25	Tổng Phốt pho	mg/l	3,24		
26	Clo dư	mg/l	0,81		
27	Coliform	MPN/ 100 ml	3.000	01 năm/lần	
28	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
29	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		
30	Clorua	mg/l	405		
31	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,0405		
32	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Phốt pho hữu cơ	mg/l	0,243		
33	Tổng PCB	mg/l	0,00243		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của các doanh nghiệp thứ cấp trong Khu công nghiệp (nguồn số 01) được xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn tiếp nhận đầu nối của Khu công nghiệp trước khi được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, tổng công suất 8.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của khu điều hành nhà máy xử lý nước thải tập trung (nguồn số 02), của Văn phòng Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình (nguồn số 05), của trạm bơm tăng áp nước cấp Khu công nghiệp Biên Hòa II (nguồn số 06) được đưa qua bể tự hoại sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, tổng công suất 8.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải phát sinh trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải (nguồn số 03 và 04) được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, tổng công suất 8.000 m³/ngày (24 giờ) để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của Công ty TNHH Electronic Tripod Việt Nam (Biên Hòa) trong Khu công nghiệp (nguồn số 07) được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty và xả thẳng ra nguồn tiếp nhận là suối Bà Lúa, cuối cùng đổ ra sông Đồng Nai.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp có tổng công suất thiết kế 8.000 m³/ngày, cụ thể như sau:

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Bể thu gom (có tách rác thô) → Sàng quay (tách rác tinh) → Bể xử lý hóa lý → Bể điều hòa → Mô đun 1/Mô đun 2 → Hồ hoàn thiện (ngăn 1) → Bể khử trùng → Hồ hoàn thiện ngăn 2 → Nguồn tiếp nhận. Trong đó:

+ Mô đun 1 (công suất 4.000 m³/ngày): Các Bể Unitank → Bể chứa nước sạch.

+ Mô đun 2 (công suất 4.000 m³/ngày): Các bể Selector → Các bể C-Tech.

- Công suất thiết kế: Tổng công suất 8.000 m³/ngày (24 giờ) (bao gồm 02 mô đun có công suất 4.000 m³/ngày/mô đun).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: FeCl₃, NaOH, Polymer Anion, Polymer Cation, Javen, Chlorine (Ca(OCl)₂) (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 trạm (đã lắp đặt).

- Vị trí lắp đặt: Tại bể quan trắc, sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp, trước khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải.

- Thông số lắp đặt: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.

- Camera theo dõi: Đã lắp đặt.

- Kết nối, truyền số liệu: Số liệu quan trắc nước thải tự động được truyền về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai để theo dõi, giám sát.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

Đã xây dựng bể sự cố có dung tích thiết kế 4.000 m³, đảm bảo lưu chứa toàn bộ nước thải trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp gặp sự cố. Bể sự cố có kết cấu bằng bê tông cốt thép.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Các biện pháp phòng ngừa sự cố:

- Kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào từ các doanh nghiệp thứ cấp: Thường xuyên kiểm tra việc xả thải các doanh nghiệp thông qua các hố ga nước thải được đặt ngoài hàng rào của doanh nghiệp hoặc vào hệ thống xử lý nước thải của các doanh nghiệp; lập danh sách các doanh nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm, định kỳ lấy mẫu kiểm tra nước thải các doanh nghiệp thuộc danh sách nêu trên hoặc kiểm tra đột xuất các doanh nghiệp thứ cấp.

- Lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục để giám sát nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp; bố trí cán bộ phụ trách về môi trường được đào tạo, chuyên giao kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung, ứng phó sự cố.

- Trang bị máy phát điện dự phòng đảm bảo luôn đáp ứng đủ điện năng cho hệ thống xử lý nước thải tập trung hoạt động ổn định trong trường hợp hệ thống lưới điện có sự cố.

- Trang bị các thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Định kỳ hàng năm tiến hành duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung và dự phòng thiết bị thay thế.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

b) Các biện pháp ứng phó sự cố:

- Trường hợp nước thải sau xử lý vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường: Tiến hành đóng van xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận, bơm nước thải sau xử lý về bể sự cố, nước thải từ hồ hoàn thiện sẽ bơm về bể sự cố để lưu trữ. Nhân viên vận hành rà soát tìm nguyên nhân, sau đó tiến hành cải thiện hiệu quả vận hành của hệ thống xử lý nước thải. Sau khi khắc phục, nước thải từ bể sự cố được mở van chảy về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố:

+ Trường hợp lưu lượng hoặc chất lượng nước thải đầu vào vượt quá giới hạn tiếp nhận: Khi xảy ra sự cố, kiểm tra chất lượng nước thải của các doanh nghiệp nghi vấn, lập biên bản đối với doanh nghiệp xả không đạt tiêu chuẩn. Các doanh nghiệp không bị vượt chuẩn vẫn xả thải bình thường; tiến hành điều chỉnh giảm lưu lượng nước thải đi vào hệ

thống xử lý nước thải tập trung, lượng nước thải còn lại từ bể thu gom được bơm về lưu chứa tại bể sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ bể sự cố được mở van chảy về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

+ Trường hợp xảy ra sự cố về thiết bị hoặc hệ thống xử lý nước thải tập trung dừng để bảo dưỡng, thay thế thiết bị: Tiến hành đóng van xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận, bơm nước thải sau xử lý về bể sự cố; nước thải từ bể thu gom sẽ bơm về hồ sự cố để lưu trữ. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ bể sự cố được mở van chảy về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

+ Trường hợp xảy ra sự cố do quá trình xử lý hóa lý, sinh học: Tiến hành đóng van xả nước thải sau xử lý ra nguồn tiếp nhận, bơm nước thải sau xử lý về bể sự cố, nước thải từ bể thu gom sẽ bơm về bể sự cố để lưu trữ. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải từ bể sự cố được mở van chảy về bể thu gom để tiếp tục xử lý.

+ Trường hợp hệ thống xử lý nước thải tập trung ngừng hoạt động đột ngột do sự cố mất điện: Sử dụng máy phát điện dự phòng cho quá trình hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.5. Tiêu chuẩn nước thải đầu nối của Khu công nghiệp Biên Hòa II:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	45
2	pH	-	5-10
3	Màu	Pt/Co	50
4	BOD5 (20°C)	mg/l	500
5	COD	mg/l	800
6	TSS	mg/l	300
7	Asen (As)	mg/l	0,2
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,1
9	Chì (Pb)	mg/l	0,108
10	Cadmi (Cd)	mg/l	0,054
11	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	0,25
12	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	1
13	Đồng (Cu)	mg/l	2,16
14	Kẽm (Zn)	mg/l	3,24
15	Niken (Ni)	mg/l	0,216
16	Mangan (Mn)	mg/l	1
17	Sắt (Fe)	mg/l	4
18	Tổng Xianua (CN ⁻)	mg/l	0,0756
19	Tổng Phenol	mg/l	0,108
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	20
21	Sulfua (S ²⁻)	mg/l	0,5
22	Florua (F ⁻)	mg/l	5,4
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	20

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
24	Tổng Nitơ	mg/l	40
25	Tổng Phốt pho	mg/l	12
26	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	800
27	Clo dư	mg/l	5
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/l	0,297
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật Phốt pho hữu cơ	mg/l	0,324
30	Tổng PCB	mg/l	0,00324
31	Coliform	MPN/100ml	Không giới hạn
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Khu công nghiệp, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn, tách váng dầu trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp.

3.3. Bảo đảm bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi có bất kỳ thông số nào không đảm bảo yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Máy thổi khí của cụm bể C-tech (giai đoạn 2) của hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Máy thổi khí bể sục có 4.000 m³ tại nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Biên Hòa II.
- Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1206630; Y = 402472.
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1206620; Y = 402472.
- Nguồn số 03: Tọa độ X = 1206675; Y = 402465.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- 1.1. Kiểm tra sự cân bằng của máy móc khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ.
- 1.2. Định kỳ kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng máy móc, thiết bị bảo đảm động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.
- 1.3 Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung được kê các đệm chân để máy để hạn chế độ rung. Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- 2.2. Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị, bảo đảm các động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm
của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	110
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	224
3	Pin, ắc quy chì thải	19 06 01	20
4	Thiết bị thải có các bộ phận linh kiện điện tử thải	19 02 05	100
5	Các loại chất thải oxi hóa thải (nước thải phòng thí nghiệm dạng đậm đặc có thành phần nguy hại như axit, Penanganat)	19 09 04	300
Tổng khối lượng			754

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	08 02 04	20
2	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải khác của hệ thống XLNT tập trung	12 06 05	1.500.000
3	Bao bì mềm thải chứa hóa chất	18 01 01	180
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại nhiễm thành phần nguy hại	18 01 02	10
5	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	96
6	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ (kính thải bỏ)	19 12 03	100
Tổng khối lượng			1.500.406

1.3 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì thải, giấy các loại, rác thải từ công tác duy tu, vệ sinh phát sinh trong quá trình hoạt động của nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Biên Hòa II và văn phòng Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình.	78.000
2	Bùn nạo vét từ hệ thống thu gom, thoát nước mưa.	5.000
Tổng khối lượng		83.000

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (bao gồm chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Biên Hòa II và văn phòng Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình): 23 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: bao bì, thùng chứa.

2.1.2. Khu lưu chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích khoảng 336 m².

- Kho có tường bao, nền chống thấm, có mái che, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng chảy tràn, có gờ chống tràn, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ bùn thải:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bể nén bùn, thùng chứa, máy ép bùn.

2.2.2. Khu vực lưu chứa: Sân phơi bùn có diện tích 200 m² nền bê tông cốt thép, lợp mái tôn, rãnh thu nước thu gom nước thải dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Biên Hòa II.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình thu gom và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng xử lý.

2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình thu gom và chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng xử lý.

2.5. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BTNMT ngày tháng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng của “Khu công nghiệp Biên Hòa II” tại phường Long Bình Tân và phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (theo Quyết định số 174/QĐ-MTg ngày 31 tháng 01 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường Khu Công nghiệp Biên Hòa II - thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai).

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (công suất 200 kVA, nhiên liệu sử dụng là dầu DO), chỉ sử dụng dự phòng trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu sử dụng là dầu DO phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

3. Phải có biện pháp kiểm soát, giảm thiểu mùi hôi trong quá trình xử lý nước thải và lưu giữ chất thải.

4. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp và ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Khu công nghệ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

6. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Khu công nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.

7. Thỏa thuận cụ thể điều kiện đầu nối nước thải với các nhà đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp trước khi thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung, bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh từ các cơ sở thứ cấp trong Khu công nghiệp được thu gom, đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

8. Bảo đảm diện tích và tỷ lệ cây xanh theo quy định của pháp luật về xây dựng.

9. Bảo đảm sự phù hợp và tuân thủ việc thực hiện các quy hoạch tại Quyết định số 370/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số

22/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

10. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo yêu cầu và quy định tại Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải, khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 1 Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải, khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; các quy định khác của chính quyền địa phương.

11. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.